

Hàm Thuận B, ngày 06 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTB, TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Khoản 2 Điều 57, Điều 58, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 51/2024/TLST- VDS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đỗ Trọng S– sinh năm 1980

- Bà Lê Thị H– sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Hồng S, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Ông Đỗ Trọng S và bà Lê Thị H cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng S, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu. Sau khi cưới thì vợ chồng sống tại Thôn 3, xã Hồng S, huyện Hàm Thuận B, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn cảm thấy hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông S, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Ông bà có đơn yêu cầu yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với nhau.

[2]. Về con chung: Ông S và bà H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Mai A– sinh ngày 27/02/2009 và Đỗ Hoài Đức A– Sinh ngày 07/04/2012. Khi ly hôn ông S và bà H thống nhất thỏa thuận:

Bà Lê Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Ngọc Mai A– sinh ngày 27/02/2009 và Đỗ Hoài Đức A– Sinh ngày 07/04/2012.

Ông Đỗ Trọng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Mai A và Đức A mỗi tháng là 2.000.000đ/con, tổng 02 con là 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Mai A và Đức A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Đỗ Trọng S có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông S, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Đỗ Trọng S và bà Lê Thị H tự nguyện thỏa thuận chịu lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trọng S và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Lê Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Ngọc Mai A– sinh ngày 27/02/2009 và Đỗ Hoài Đức A– Sinh ngày 07/04/2012.

Ông Đỗ Trọng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Mai A và Đức A mỗi tháng là 2.000.000đ/con, tổng 02 con là 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Mai A và Đức A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Đỗ Trọng S có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Trọng S và bà Lê Thị H tự nguyện thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do ông S và bà H đã nộp tạm ứng lệ phí đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013516 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận B nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch T